

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2017/HSST

Ngày 20/10/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Đình Đại.

2. Ông: Nguyễn Thế Hùng.

- **Thư ký Tòa án phiên tòa:** Ông Lê Nam- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng. Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 28/9/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn T**- Sinh năm 1987.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 1B, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Đảng phái: Không.

Bố đẻ: Bùi Văn Th. Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H- Sinh năm 1950.

Vợ: Hoàng Thị C (đã ly hôn).

Con: Có một con sinh năm 2007.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 7/4/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú thọ.

(Có mặt).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Mè Thanh H – sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn Ph, thị trấn C, huyện C, tỉnh L. (Vắng mặt).

2. Anh Trần Công H - Sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh L. (Vắng mặt).

3. Anh Đỗ Mạnh H – sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

4. Anh Đinh Anh V – sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Bùi Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đêm ngày 31/3 rạng sáng ngày 01/4/2017, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại phòng 103 nhà nghỉ M thuộc địa bàn thôn 1, xã Y, huyện Đ do chị Lê Thị Thanh H ở thôn 1, xã Y, huyện Đ làm chủ (chị H thuê anh Vũ Tiến Ng làm quản lý) có một số đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác của Đội cảnh sát tội phạm về ma túy Công an huyện Đ đã phối hợp cùng Công an xã Y, huyện Đ đến nhà nghỉ M để kiểm tra. Tổ công tác phát hiện tại phòng 103 có Trần Công H, Bùi Văn T và Nguyễn Thị V đang ở đó, trên bàn có bộ sử dụng dụng cụ ma túy đá. Khi thấy tổ công tác đến H, H, T đã bỏ chạy. Tổ công tác đã thu giữ tại bàn uống nước trong phòng ngủ 103 của nhà nghỉ 06 túi nhỏ nghi là ma túy đá Methamphetamine trong đó có 03 túi nhỏ được quấn ngoài bằng băng dính màu đen

(gồm có 02 gói nhỏ gói ngoài bằng mảnh giấy một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng mảnh giấy một mặt màu trắng - vàng, một mặt màu trắng. Bên trong cả 03 gói giấy này đều có túi nilon màu trắng có rãnh bấm, trong túi nilon có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng) và 03 túi nhỏ đều là túi nilon màu trắng có rãnh bấm, bên trong túi nilon có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong. Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đá; 01 bộ khò ga. Ngay tại chỗ V khai nhận đó là 06 gói ma túy của Bùi Văn T còn bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và bộ khò ga là của T cùng H, H vừa sử dụng ma túy.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đoan Hùng đã trưng cầu giám định đối với số chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong 06 gói giấy thu giữ tại phòng nghỉ 103 nhà nghỉ M.

- Tại Bản kết luận giám định số 873/KLGD ngày 06/4/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: *“Mẫu vật gửi đến giám định ở dạng chất rắn dạng tinh thể màu trắng được chứa 06 túi nilon đều màu trắng có rãnh bấm có tổng trọng lượng (khối lượng) là 1,109 gam, có Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục số II, số thứ tự 67, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ”*.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra đối với Trần Công H; Mè Thanh H và Bùi Văn T. Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận như sau:

T, H và H là những đối tượng thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy và thuê phòng tại nhà nghỉ M để ở. T khai, khoảng 23h00 ngày 29/3/2017 H rủ T đi đến tỉnh B để mua ma túy đá, khi đi T rủ V đi cùng. Khoảng 9h00 ngày 30/3/2017 thì đến nơi, H dẫn T đến nhà một nam thanh niên tên là T và giới thiệu là người bán ma túy. Tại đây T hỏi mua nợ ma túy của T nhưng T không đồng ý bán. Đến ngày 31/3/2017, T cùng H, V bắt xe khách về. Trên đường về H, V xuống xe ngang đường còn T đi đến bến xe N – Hà Nội. Vào đến bến xe N, T điện thoại cho H thì được H thông báo H và V về đến gần Đ nên T bảo H cứ vào phòng nghỉ 103 nhà nghỉ M vì T đã thuê phòng ở đó sau đó T bắt xe khách đi về Đ luôn. Trên đường về thì T điện cho anh Ng hỏi thuê phòng 103 nhà nghỉ để ở và được anh Ng đồng ý. Khi đi đến cổng khu công nghiệp S, T xuống xe và điện thoại cho V ra đón đến phòng 103 nhà nghỉ M. Vào đến phòng T thấy H đang ngủ trên giường nên T đi tắm còn H thấy T vào nên đã cùng V đi ra ngoài. Khi T tắm xong quay ra thì thấy H đang lắp bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, trong coóng đã có sẵn ma túy đá nên T hỏi H là ma túy ở đâu, H trả lời T là của bạn H ở B cho. Sau khi H lắp xong bộ dụng cụ sử dụng ma túy thì H và T cùng sử dụng ma túy. Trong lúc sử dụng ma túy T hỏi H còn nhiều ma túy không bán lại cho T ít với ý định để sử dụng nhưng nếu ai mua thì T cũng bán. H đồng ý và bán chịu cho T 06 gói ma túy với giá 1.000.000đ. T cầm 06 gói ma túy cất lên nóc tủ

trong phòng 103 sau đó ngồi xuống tiếp tục cùng H sử dụng ma túy, khi cả hai đang sử dụng ma túy thì H đến gõ cửa nên H cất bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào tủ và bảo T ra mở cửa. H vào phòng, khi H vào T hỏi vay H 500.000đ để trả tiền phòng nghỉ cho anh Ng, H đồng ý và đưa cho T 500.000đ, số tiền này T đã đưa cho anh Ng sau đó quay lại cùng H, H sử dụng ma túy đến khoảng 3h30 thì H mở cửa ra về. Đúng lúc này thì bị tổ công tác ập vào kiểm tra, thấy vậy T, H, H đã chống trả và bỏ chạy, trong lúc xô đẩy đã làm gói ma túy trên nóc tủ do T đã cất dấu trước đó rơi xuống bàn và đã bị Cơ quan điều tra thu giữ như trên.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho đối chất giữa H và T nhưng H không thừa nhận đã bán ma túy cho T như T đã khai mặt khác chỉ có lời khai của T nên không đủ cơ sở xác định H đã bán ma túy cho T. Bản thân T thừa nhận 06 gói ma túy Cơ quan điều tra thu giữ trong phòng 103 có trọng lượng 1,109 gam Methamphetamine và chiếc coóng là của T và T đã thuê phòng 103 để nghỉ do đó T phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nêu trên.

Ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như nêu trên, quá trình điều tra Cơ quan điều tra còn làm rõ vào tối ngày 27/3/2017, T đã bán cho Đỗ Mạnh H và Đinh Anh V 200.000đ tiền ma túy đá. Cụ thể việc mua bán như sau: Do trước đó T đã thuê phòng nghỉ 103 nhà nghỉ M để ở được 1, 2 hôm nên khoảng 17h00 ngày 27/3/2017, T đang ở nhà tại xã M, huyện Đ thì V gọi điện thoại từ số 0969004104 của V đến số điện thoại 01633478487 của T hỏi mua 500.000đ tiền ma túy đá. T đồng ý và hẹn V đến phòng 103 nhà nghỉ M để giao nhận ma túy. Sau đó T điện thoại cho V rủ V đến nhà nghỉ M chơi cùng. V đồng ý và đã rủ một người bạn nữ mới quen tên là Ng (V không biết tên, tuổi địa chỉ đi chơi cùng). Khi V đến quầy lễ tân thì gặp T ở đó nên bảo V đi vào phòng 103 đưa tiền cho T nhưng V nói với T chưa có tiền, tý nữa sẽ có người đến đưa tiền. Đến khoảng 18h00 cùng ngày thì H đến, khi đến đây V bảo H đưa cho T 400.000đ gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đ. T cầm tiền rồi nói với V trừ 100.000đ trước đó V nợ T tiền thẻ điện thoại và V đồng ý. Sau khi có được tiền T đã điện thoại cho Trịnh Hồng Q ở xã T, huyện Đ hỏi mua 400.000đ tiền ma túy nhưng Q nói không có để Q hỏi giúp nhưng mua 400.000đ tiền ma túy chưa chắc bạn Q đã bán mà phải mua nửa G với giá 700.000đ (tức 0,5 gam ma túy đá giá 700.000đ). T tắt điện thoại và quay sang nói với H, V là 400.000đ không mua được ma túy mà 700.000đ mới mua được để T đi lấy thêm tiền. T bảo H và V chờ ở phòng 103 còn T mượn xe máy không biển kiểm soát, kiểu xe Dream của anh Ng đi về nhà mình lấy thêm 300.000đ sau đó điện thoại cho Q nói đã có tiền. Q hẹn T đến cổng trường trung học cơ sở xã T, huyện Đ có người chờ ở đó. Khi T đến đây thì gặp 01 nam thanh niên T không biết tên, địa chỉ đầu đội mũ lưỡi trai, mặt bịt khẩu trang đi xe máy đến. Khi thấy nam giới này T nói với anh ta “em của Q à” nam

thanh niên nói “Vâng” và đưa cho T 01 túi ma túy có đặc điểm được gói bằng nilon màu trắng hàn kín các mép, bên trong túi nilon có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. T nhận gói ma túy và đưa lại cho nam thanh niên 700.000đ. Có được ma túy, T đến nhà H (T không rõ họ tên) ở thôn 9, xã V, huyện Đ mượn 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và mang về phòng 103 nhà nghỉ M. Vào đến phòng T đưa V bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá bảo V lắp vào và đưa cho V gói ma túy T vừa mua. T nói với V gói ma túy này T mua giá 700.000đ nên trong gói ma túy này có $\frac{1}{2}$ của T (vì T đã bỏ ra 400.000đ để mua ma túy còn V, H chỉ bỏ ra 300.000đ) sau đó T cầm lại gói ma túy mở ra và đổ $\frac{2}{3}$ gói ma túy vào cóong thủy tinh để sử dụng trong đó có một phần của T. Số còn lại T dán kín nilon và cất vào trong túi quần đang mặc rồi cùng H, V và Ng sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng hết số ma túy trong cóong thì H nói với T do hiện tại H không mang theo tiền nên bảo T bỏ gói ma túy ra để sử dụng H và T sẽ tính toán sau (ý nói bảo T bán chịu cho H gói ma túy, H sẽ trả tiền cho T sau). T đồng ý và có ý định bán cho H gói ma túy này với giá 200.000đ nên mở gói ma túy ra đổ vào cóong để cùng H, V sử dụng. Khi cả 3 đang sử dụng thì Q đến cùng T, V, H, Ng sử dụng hết số ma túy này.

Tại Cơ quan điều tra Q thừa nhận có giới thiệu cho T mua ma túy của Hoàng Văn Ng ở xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ, việc T có mua được ma túy của Ng hay không Q không biết. Qua điều tra, Ng không thừa nhận đã bán ma túy cho T. Cho tiến hành đối chất giữa Q, Ng và T nhưng Ng không thừa nhận nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Ng và Q.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Văn T đã hoàn toàn nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án thể hiện tại các bút lục từ số 01 đến 11; từ 31 đến 202 trong hồ sơ vụ án.

Đối với việc Mè Thanh H; Trịnh Hồng Q; Đinh Anh V; Đỗ Mạnh H; Trần Công H đã sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng nghỉ 103 nhà nghỉ M. Xét thấy anh Ng quản lý nhà nghỉ không biết T thuê phòng nghỉ để cùng những người khác sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các đối tượng, do các đối tượng đều là người thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính là phù hợp.

Đối với việc anh Ng cho T mượn xe máy sau đó T đi mua ma túy. Xét thấy việc T dùng xe đi mua ma túy anh Ng không biết do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với nam thanh niên theo T khai đã bán ma túy cho T ở cổng trường Trung học cơ sở T. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng chưa làm rõ được, do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với chiếc điện thoại cùng sim số 01633478487 T dùng để liên lạc mua, bán ma túy đối với các đối tượng. Theo T khai, quá trình bỏ chạy T đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với người thanh niên tên H cho T mượn bộ dụng cụ sử dụng ma túy ngày 27/3/2017 như T khai. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định ở thôn 9, xã V, huyện Đ không có người nào tên là H do đó Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với người phụ nữ tên Ng đi cùng V đến nhà nghỉ M để sử dụng trái phép chất ma túy. Do V không biết được địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với vật chứng gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 khò ga cùng 01 phong bì niêm phong số 873/KLGĐ được đóng 05 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ được chuyển theo hồ sơ vụ án

Về tài sản riêng của bị cáo: Cơ quan điều tra xác minh bị cáo không có tài sản riêng gì.

Tại bản cáo trạng số 57 ngày 27/9/2017 VKSND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội "Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện VKSND Huyện Đoan Hùng đề nghị: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng: Khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Điểm X khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Bùi Văn T từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của anh Đỗ Mạnh H 200.000đ để sung quỹ Nhà nước

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong số 873/KLGD bên trong có 1,109 gam có *Methamphetamine* của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ hoàn lại sau giám định; 01 khò gas, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY:

Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn T khai nhận: Vào khoảng 20h00 ngày 27/3/2017 tại phòng 103 nhà nghỉ M thuộc thôn 1, xã Y, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ Bùi Văn T đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Đỗ Mạnh H để thu số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Đến ngày 01/4/2017, T tiếp tục tàng trữ 1.109 gam ma túy *Methamphetamine* với mục đích để sử dụng và nếu ai mua thì bán.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: Biên bản niêm phong vật chứng, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và kết luận của cơ quan giám định. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Văn T phạm tội “ Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm hình phạt quy định tại khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự. Nội dung khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự quy định:

1. “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, đây là loại tội phạm về tệ nạn xã hội mà tệ nạn ma túy là rất nguy hiểm không những cho cá nhân, gia đình bị cáo mà cho cả xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự xã hội, bị toàn xã hội lên án. Hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo bị pháp luật nghiêm cấm vì vậy phải áp dụng một hình phạt tù thật nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên để áp dụng một hình phạt cụ thể đối với bị cáo cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

Xét các tình tiết giảm nhẹ: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã ăn năn, thành khẩn khai báo nhận tội, bị cáo có mẹ đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến vì vậy bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật

hình sự và một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

***Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 điều 194 Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Tuy nhiên qua xác minh bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

***Về Trách nhiệm dân sự:**

Đối với khoản tiền 200.000đ mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Mạnh H mua ma túy của bị cáo T nhưng anh H chưa trả tiền cho bị cáo T, đây là khoản tiền liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy, nên cần truy thu của anh H khoản tiền này để sung quỹ Nhà nước.

***Về xử lý vật chứng:**

Đối với số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 bì niêm phong số 873/KLGD bên trong có 1,109 gam có *Methamphetamine* của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ hoàn lại sau giám định; 01 khò gas, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, là vật Nhà nước cấm lưu hành và vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu theo qui định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là đúng pháp luật cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về trách nhiệm hình sự;**

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Điểm X khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 7/4/2017.

*** Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:**

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự.

Điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của anh Đỗ Mạnh H 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong số 873/KLGĐ bên trong có 1,109 gam có *Methamphetamine* của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ hoàn lại sau giám định; 01 khô gas, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá.

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:**

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000đ.(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện+Tỉnh;
- Sở t pháp.
- CA Huyện.
- Trại tạm giam CAT.
- Thi hành án HS.
- THADS huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo.
- Những người có QLNV liên quan.
- Lưu HS+VP;